

Bản án số: 127/2024/DS - PT

Ngày: 19/8/2024

V/v bồi thường thiệt hại

ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài – Bà Lê Thị Hồng Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2024/TLPT-DS ngày 06/5/2024 về việc "Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng". Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DSST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **128/2024/QĐ-PT** ngày **26 tháng 6** năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Thị T, sinh năm 1957 (*vắng mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vi Chí D, sinh năm 1962 (*có mặt*)

Đều trú tại: Xóm H, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Công ty cổ phần B

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, phố T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ chi nhánh tại Thái Nguyên: Xóm S, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đắc Đ – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Hoàng Thọ G, Phó Giám đốc, Chi nhánh Công ty cổ phần B tại tỉnh Thái Nguyên; Địa chỉ nhà riêng: Số 12i, B, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. (*có mặt*)

2. Ông Nguyễn Khắc H, Phó Giám đốc thường trực, Chi nhánh Công ty cổ phần B tại tỉnh Thái Nguyên; Địa chỉ thường trú: Đ, Đ, L, Hòa Bình. (*có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T1, luật sư - Văn phòng L - Đoàn luật sư tỉnh T;

Địa chỉ: Ngõ C, đường Z, tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên
(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm H, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

- Anh Vi Thanh H1, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vi Chí D, sinh năm 1962

Đều trú tại: Xóm H, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

Người kháng cáo: Công ty cổ phần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Phía nguyên đơn trình bày: Gia đình bà Lý Thị T có thửa đất số 57, tờ bản đồ số 45, diện tích là 1.358 m². Năm 2013, công ty cổ phần B có mở tuyến đường để thăm dò, khai thác, vận chuyển khoáng sản đi qua địa phận xóm H, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Tuyến đường đã làm xong nhưng trong quá trình quản lý, sử dụng không tốt đến tháng 4 năm 2017 do mưa to đã làm sạt lở một đoạn đường làm đất, đá tràn xuống ao, làm vùi lấp ao thả cá của bà T. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã P lập biên bản và giải quyết nhiều lần nhưng không thành. Ao thả cá là một trong hai nguồn thu nhập chính của gia đình bà T, đến nay gia đình bà T không thu hoạch được gì từ ao cá. Bà Lý Thị T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty Ban tích phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà: (+) Tiền san lấp ao cá với khối lượng đất khoảng 3000m³ đất, giá 17.000đ/m³, hết tổng số tiền là 51.000.000 đồng; (+) Sản lượng cá thất thu trong 05 năm. Mỗi năm gia đình bà T thả 2.550.000 đồng cá giống các loại (trắm cỏ, trôi, chép) và thu hoạch được 15.000.000 đồng/năm. Nên yêu cầu công ty B bồi thường sản lượng cá thất thu là 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông D có ý kiến: Yêu cầu Công ty cổ phần B bồi thường thiệt hại khối lượng đất đá vùi lấp xuống ao của bà T và sản lượng cá thất thu từ năm 2017 đến nay.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Cuối năm 2012, Công ty B đầu tư thi công dự án nâng cấp đường dân sinh xóm H, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Việc nâng cấp được hoàn thành năm 2013. Khi thi công toàn bộ dọc tuyến phía tả luy âm đều có bờ ngăn không để nước tự do tràn xuống tả luy âm gây sạt lở, ảnh hưởng đến vườn đồi, ao cá của các hộ liền kề. Năm 2015, ông Nguyễn Văn C1 ở xóm H, xã P là hộ dân có diện tích rừng cạnh con đường đó và chưa nhận tiền đền bù diện tích đường đi qua, trong quá trình cải tạo rừng để trồng cây keo đã lấp một hố ga có kích thước 12m x 4m do công ty đào để

đón bùn chảy xuống, đồng thời ông C1 cắt đứt đoạn đường làm nước phía tả luy âm có lối chảy xuống phía hộ bà T.

Ngày 10/11/2019, ông Nguyễn Văn C1 mới chính thức nhận tiền chuyển nhượng tiếp phần đất của con đường đó, và từ thời điểm này công ty B mới chính thức tiếp quản diện tích phần đường tại vị trí sạt lở xuống hộ bà T. Đối với yêu cầu của bà T, công ty B không đồng ý và chỉ đồng ý hỗ trợ cho gia đình bà T số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra Công ty không chấp nhận khoản bồi thường nào.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/9/2023, phía bị đơn lại có ý kiến: Nguyên nhân dẫn đến thiệt hại của gia đình bà T là do Công ty quản lý sử dụng con đường không tốt nên mưa to làm sạt lở một phần đoạn đường làm đất đá tràn lấp vào ao gia đình bà T. Nội dung khởi kiện của bà T không phản ánh đúng bản chất nguyên nhân và hậu quả thiệt hại được thể hiện là khi gia đình bà T bị thiệt hại thì bà T có đơn ngày 03/8/2016 đề nghị xóm H và UBND xã P đất đá, tràn vào ao gia đình bà. Tại biên bản xác minh ngày 06/9/2016 UBND xã P đã xác minh ông Nguyễn Đức C mức đất mở dòng chảy của nước từ trên núi xuống theo hướng dòng chảy từ trước khi công ty B làm đường. Lượng đất đá theo dòng chảy vào ao nhà bà T là 3m². Biên bản hòa giải ngày 23/9/2016 do UBND xã P thống nhất ông C mức đất làm đất đá vùi lấp xuống vườn, ao của gia đình bà T (tràn vào vườn chiều rộng 1m, chiều dài 90m, tràn vào ao 3m²). Tại buổi hòa giải bà T có ý kiến: “Sau khi công ty B mở đường, đất đá chưa tràn xuống. Nhưng từ khi ông C mức đất làm đất đá tràn xuống làm ảnh hưởng đến vườn và ao của gia đình tôi”. Ý kiến của ông C “gia đình tôi mức đất theo đúng dòng chảy đã có từ xưa chứ gia đình tôi không tạo dòng chảy mới”. Hai bên gia đình thống nhất “cùng nhau xử lý khắc phục, hạn chế mức độ thiệt hại của hai gia đình”. Ngày 22/8/2022, ông C có lời khai (bút lục 97) “*Năm 2017, 2018 gia đình ông Vi Văn S và Vi Chí D mở đường từ đường của Công ty B lên bãi để khai thác keo đồi dốc nên khi mưa đất đá chảy xuống con đường bồi lên và tràn vào ao của bà T*”.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bị đơn là hoàn toàn không đúng bản chất sự việc và không có căn cứ pháp luật; Về thời hiệu khởi kiện thì theo đơn đề nghị của bà Lý Thị T ngày 03/8/2016 gửi xóm H và UBND xã P và biên bản hòa giải ngày 23/9/2016 của UBND xã P thì vụ việc thiệt hại của gia đình bà T đã xảy ra từ năm 2016 nhưng bà T không yêu cầu các bên liên quan xử lý vụ việc mà đến năm 2021 mới có đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện đã hết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Đức C: Khoảng năm 2011-2012, khi Công ty B tích làm đường có mượn gia đình ông một mảnh đất rộng 4 mét, dài khoảng 40 mét để làm hồ ga (để chứa bùn cát khi có mưa thì bùn cát dọc theo tuyến đường sẽ chảy về hồ ga). Khi mưa thì bùn đất, đã tràn vào hồ ga nhưng Công ty B không xử lý để bùn đất tràn vào bãi trồng keo của gia đình ông làm chết cây của ông và gia đình ông S1. Gia đình ông yêu cầu trưởng xóm và Bí thư để có phương án cho gia đình ông nhưng xóm và Bí thư không can thiệp. Sau đó ông yêu cầu Công ty B giải quyết nhưng không được Công ty giải quyết. Vì thế gia đình không cho mượn nữa nên gia đình đã đắp bờ đất cao khoảng 30 đến 40cm để ngăn không cho dòng chảy vào đất của gia đình ông.

Theo ông nguyên nhân gây ra bùn lấp vào ao nhà bà T là do Công ty B mở đường và đất ở trên đồi theo nước mưa cùng bùn đất từ trên cao chảy theo đường của Công ty B xuống chỗ thấp. Năm 2016, có trận mưa rất to bùn đất chảy về nhiều, dồn nước, đất, cát gây vỡ bờ đất làm dòng chảy xuống ao nuôi cá nhà bà T lấp một phần ao của bà T.

Ông xác định ông không có lỗi gì vì ông đắp đất trên diện tích đất của gia đình ông để không cho nước chảy vào đất của ông và ông cũng không tạo dòng chảy để nước chảy sang nhà bà T.

Anh Vi Thanh H1: Năm 2013 Công ty cổ phần B làm đường đến năm 2016 thì đất đá theo đường sạt lở xuống ao của gia đình anh lúc đó anh còn đi học. Anh nhất trí với ý kiến và đơn khởi kiện của bà Lý Thị T yêu cầu Công ty bồi thường thiệt hại cho gia đình anh.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: *“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị T. Buộc công ty cổ phần B phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Lý Thị T số tiền 74.166.000 đồng và 2.700.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Buộc Công ty B phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 45, diện tích 1358m², loại đất NTS. (Mức toàn bộ đất đá đã vùi lấp xuống ao)”*.

Do ông Hoàng Thọ G có đơn kháng cáo. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 12/2023/DSPT ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: *“Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm”*.

Sau khi thụ lý lại vụ án, do các bên không thống nhất được việc giải quyết tranh chấp nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai. Tại bản án dân sự sơ thẩm số

06/2024/DSST ngày 03/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, 146, 147, 156, 157, 158, 164, 165, 166, 236, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 605 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: “ *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị T. Buộc Công ty cổ phần B phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Lý Thị T số tiền 228.489.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng). Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác...*

- *Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định giá tài sản số tiền là 17.700.000 đồng, bà T đã nộp. Nay buộc công ty cổ phần B phải hoàn trả cho bà T 17.700.000 đồng (mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).*

- *Án phí: Công ty B phải chịu 11.424.450 đồng (mười một triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả bà T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003266 ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương”.*

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 15/4/2024, Công ty cổ phần B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 03/4/2024 của Tòa án huyện Phú Lương. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do vi phạm tố tụng và thời hiệu khởi kiện không còn.

Tại phiên tòa: Các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

+ Công ty cổ phần B đưa máy móc mức toàn bộ phần đất đá vùi lấp xuống ao nhà bà Lý Thị T, độ sâu trung bình để mức là 80cm; vị trí, diện tích, khối lượng đất đá mức được thực hiện theo biên bản khảo sát hiện trạng giữa các bên lập ngày 19/8/2024. Thời gian thực hiện ngày 01/10 âm lịch (tức ngày 01/12/2024 dương lịch).

+ Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần B có trách nhiệm trả cho bà Lý Thị T số tiền 15.000.000đ. Bà T được nhận số tiền 15.000.000đ do Công ty cổ phần B trả.

+ Công Ty cổ phần B tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh phố Thái Nguyên do các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thống nhất và thỏa thuận được như sau:

[1.]. Công ty cổ phần B có trách nhiệm mức toàn bộ lượng đất đá lấp xuống ao nhà bà Lý Thị T. Độ sâu trung bình để mức là 80cm, khối lượng đất đá, diện tích và vị trí mức được thực hiện theo biên bản khảo sát hiện trạng giữa các bên lập ngày 19/8/2024. Thời gian thực hiện ngày 01/10 âm lịch (tức ngày 01/12/2024 dương lịch).

[2.]. Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần B thanh toán trả cho bà Lý Thị T số tiền 15.000.000đ (*mười năm triệu đồng*) tiền thẩm định, định giá tài sản.

Bà Lý Thị T được nhận số tiền 15.000.000đ (*mười năm triệu đồng*) tiền thẩm định, định giá tài sản do Công ty cổ phần B thanh toán trả.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3.] Việc thỏa thuận trên của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự, nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận này và sửa bản án sơ thẩm số 06/2024/DSST ngày 03/4/2024

của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên do các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[4.] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần B phải chịu 2.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả bà T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003266 ngày 21/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.] Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DSST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên do các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Công ty cổ phần B có trách nhiệm mức toàn bộ lượng đất đá lấp xuống ao nhà bà Lý Thị T. Độ sâu trung bình để mức là 80cm, khối lượng đất đá, diện tích và vị trí mức được thực hiện theo biên bản khảo sát hiện trạng giữa các bên lập ngày 19/8/2024. Thời gian thực hiện ngày 01/10 âm lịch (tức ngày 01/12/2024 dương lịch).

- Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần B thanh toán trả cho bà Lý Thị T số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) tiền thẩm định, định giá tài sản.

+ Bà Lý Thị T được nhận số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) tiền thẩm định, định giá tài sản do Công ty cổ phần B thanh toán trả.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần B phải chịu 2.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả bà T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003266 ngày 21/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0004588 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy